

CTCP KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ – PVDRILLING

XẾP HẠNG 12 THÁNG

MUA

Giá đóng cửa 4/2/2025	₫23.600
Giá mục tiêu 12 tháng	₫32.250
Lợi nhuận kỳ vọng	36,7%

Q4.2024_Lợi nhuận gộp lĩnh vực Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng trưởng 160%

- Doanh thu Q4 đạt 2.789 tỷ đồng (+60% yoy) nhờ lĩnh vực Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và thương mại lần lượt tăng 84% và 18 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2024, Doanh thu đạt 9.288 tỷ đồng (+60%yoy), thực hiện 150% kế hoạch cả năm. Trong đó, doanh thu dịch vụ khoan tăng 38%, Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng 55% và Thương mại hàng hóa tăng 6,7 lần so với 2023.
- Mặc dù doanh thu tăng mạnh, lợi nhuận gộp lại giảm 10% khi đạt 359 tỷ đồng, do giá vốn tăng 80% yoy, nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu. Tuy vậy, lợi nhuận gộp lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng mạnh 160% yoy.
- Lợi nhuận trước thuế Q4.2024 đạt 257 tỷ đồng, (+16,5% yoy). Lũy kế cả năm, lợi nhuận trước thuế đạt 932 tỷ đồng, (+42% yoy) hoàn thành 212% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 694 tỷ đồng, (+27,4% yoy).
- Trong tháng 12.2024 Công ty đã đầu tư và nhận giàn khoan PVD VIII, hiện đang thực hiện công tác tái khởi động và dự kiến sẽ hoạt động từ đầu Q4.2025. Công ty đang tìm kiếm hợp đồng cho giàn khoan này với các đối tác trong và ngoài nước.

Triển vọng hoạt động 2025-2026 của PVD

- Các giàn khoan sở hữu có hợp đồng đến hết năm 2025-2026:** Các giàn khoan đều đã có các hợp đồng dài hạn đến hết 2026 với giá cho thuê tăng thêm khoảng 3%-5% so với năm 2024. Giàn khoan mới đang được cải tạo và kế hoạch sẽ đưa vào hoạt động từ Q4.2025.
- Giá cho thuê giàn khoan trong khu vực vẫn ở mức cao:** Theo số liệu của S&P, giá giàn khoan đã chạm mức cao nhất trong 10 năm qua và điều chỉnh giảm trong Q4.2024 với một số giàn đặc biệt. Mặt bằng chung vẫn ở mức cao với các hợp đồng dài hạn trong khoảng 100-120 nghìn usd/ ngày.
- Nhu cầu giàn khoan vẫn ở mức cao:** IEF dự báo nhu cầu đầu tư thượng nguồn dầu khí vẫn tiếp tục tăng lên, đến 2030 đạt khoảng 738 tỷ usd/năm. Lũy kế giai đoạn 2024-2030 giá trị đầu tư dự kiến là khoảng 4.855 tỷ usd. Tăng 83% so với giai đoạn 7 năm trước đây.

Rủi ro đầu tư:

Giá cho thuê giàn khoan đã đạt đỉnh dài hạn 10 năm trong nửa đầu năm 2024 và điều chỉnh giảm những tháng cuối năm 2024. Cùng với sức ép giá dầu giảm, điều này có thể làm cho giá giàn khoan không đạt được kỳ vọng, làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của công ty và tác động tiêu cực đến giá cổ phiếu trên thị trường.

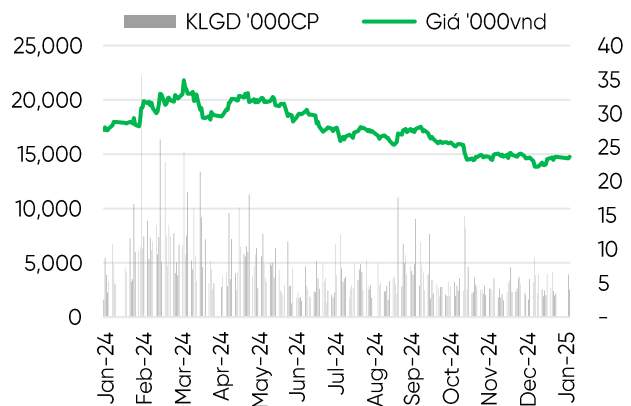
Định giá cổ phiếu: Định giá theo DCF, giá trị cổ phiếu xác định ở mức 32.250 đồng/cổ phần, cao hơn thị giá hiện tại khoảng 36,7%, chúng tôi đánh giá cơ hội đầu tư vào cổ phiếu PVD là khá hấp dẫn.

THÔNG TIN GIAO DỊCH

Mã giao dịch	HSX: PVD
KLGD TB 52 tuần (trcp)	4,30
GTGD TB 52 tuần (tỷ đồng)	126,22
Khối lượng lưu hành (trcp)	555,88
Biên độ 52 tuần	22.150 ₫ – 34.900 ₫
Vốn hóa (tỷ VND)	12.980
Beta 2.2023-2.2025	1.21

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU PVD

Giao dịch cổ phiếu PVD 12T



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Q4.23	Q4.24	2023	2024
Doanh thu	1,747	2,789	5,804	9,288
Tăng trưởng DT	19.9%	59.6%	6.8%	60.0%
Lợi nhuận gộp	398	359	1,305	1,741
Lợi nhuận TT	220	257	658	932
Tăng trưởng LNTT	511.6%	-324%	na	41.7%
Lợi nhuận ST	194	232	545	694
EBIT	283	304	908	1,170
EBITDA	498	545	1,765	2,059
Tài sản ngắn hạn	6,954	7,878	6,928	7,878
Tài sản dài hạn	6,568	15,841	14,705	15,841
Tổng tài sản	21,650	23,719	21,633	23,719
Nợ phải trả	6,756	7,669	6,735	7,669
Vốn chủ sở hữu	14,894	16,049	14,898	16,049
D/E	0.45	0.48	0.45	0.48
EPS	351	389	1,049	1,251
BVPS	26,347	28,403	26,354	28,403

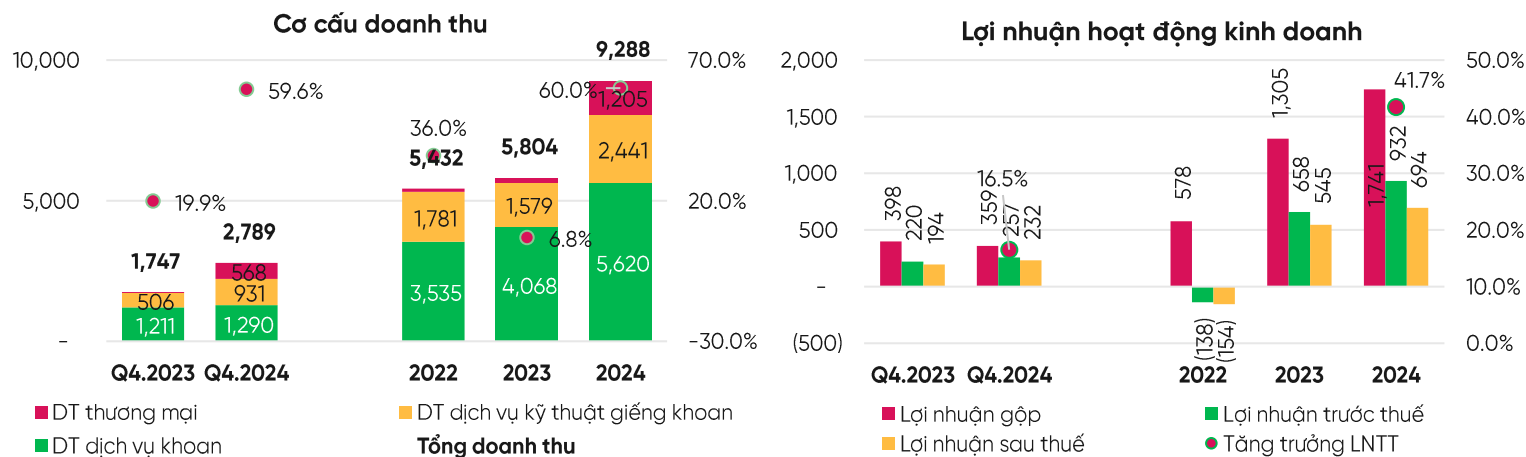
Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

Chuyên viên phân tích

Chu Thế Huỳnh

Huynhct@vpbanks.com.vn

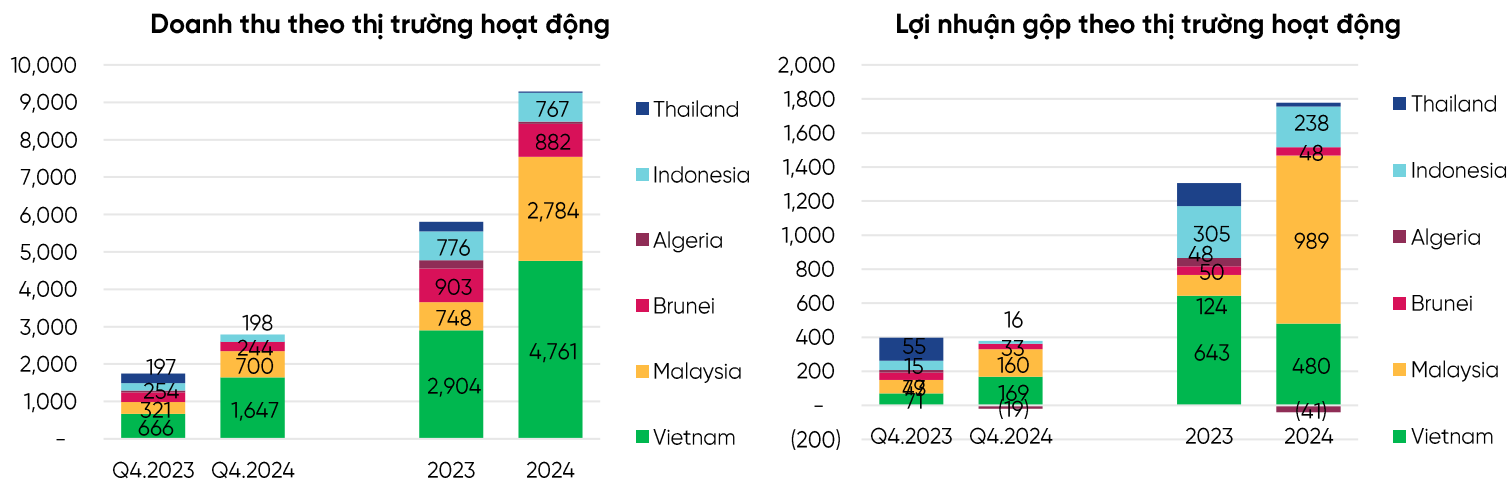
Kết quả kinh doanh khả quan



Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

Doanh thu Q4 tăng mạnh 60%, Lợi nhuận trước thuế tăng 16,5% so với cùng kỳ 2023.

- Doanh thu Q4 đạt 2.789 tỷ đồng (+59,6% yoy) nhờ lĩnh vực Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan và thương mại lần lượt tăng 84% và 18 lần so với cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2024, Doanh thu đạt 9.288 tỷ đồng (+60%yoy), thực hiện 150% kế hoạch cả năm. Trong đó, doanh thu dịch vụ khoan đạt 5.620 tỷ đồng (+38%yoy), Dịch vụ kỹ thuật giếng khoan đạt 2.441 tỷ đồng (+55%yoy) và Thương mại hàng hóa đạt 1.205 tỷ đồng (+670% yoy).
- Mặc dù doanh thu tăng mạnh, lợi nhuận gộp lại giảm 10% khi đạt 359 tỷ đồng, do giá vốn tăng 80% yoy, nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu. Tuy vậy, lợi nhuận gộp lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật giếng khoan tăng mạnh 160% yoy.
- Lợi nhuận trước thuế Q4.2024 đạt 257 tỷ đồng, (+16,5% yoy). Lũy kế cả năm, lợi nhuận trước thuế đạt 932 tỷ đồng, (+42% yoy) hoàn thành 212% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 694 tỷ đồng, (+27,4% yoy).



Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

Doanh thu và Lợi nhuận gộp (LNG) theo thị trường hoạt động

- Trong Q4, doanh thu thị trường nội địa đạt 1.647 tỷ đồng, tăng mạnh 147%, và chiếm 59% tổng doanh thu. Thị trường Malaysia cũng tăng mạnh 118% yoy khi đạt 700 tỷ đồng và chiếm 25% tổng doanh thu. Thị trường Brunei ổn định với hoạt động của giàn PVD 5, trong khi giàn PVD 11 vẫn không có việc làm.
- Lũy kế cả năm 2024, doanh thu thị trường trong nước đạt 4.761 tỷ đồng (+63,9%), chiếm 51,3% tổng doanh thu. Thị trường Malaysia đạt 2.784 tỷ đồng (+172,1%) chiếm 30% tổng doanh thu. Thị trường Algeria giảm mạnh 73% với chỉ 59 tỷ đồng. Thị trường Brunei giảm nhẹ 2% khi đạt 882 tỷ đồng.
- Mặc dù doanh thu chiếm tỷ trọng lớn, lợi nhuận gộp thị trường trong nước cả năm 2024 đạt 480 tỷ đồng, giảm 25,4% yoy. LNG thị trường Malaysia đạt 989 tỷ đồng, tăng mạnh 697% yoy. Thị trường Algeria do không có việc làm từ giữa Q2, doanh thu thấp khiến lỗ gộp cả năm là 41 tỷ đồng. Thị trường Brunei do giá hợp đồng ký trước kia ở mức thấp, lợi nhuận gộp đạt 48 tỷ đồng, biên lợi nhuận gộp đạt mức thấp với 5,5%.

Triển vọng hoạt động năm 2025-2026

Hoạt động đầu tư thượng nguồn là động lực phát triển trong trung và dài hạn.

- Dự án khâu thượng nguồn tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí trong nước cũng được thực hiện. Trong đó có các dự án rất lớn kỳ vọng được thực hiện trong giai đoạn 2023-2027 như Lô B- Ô môn, Nam du U Minh sẽ là động lực phát triển của PVD trong trung và dài hạn.
- Bên cạnh đó, thị trường khoan dầu khu vực tiến triển tích cực, 3/5 giàn khoan của PVD đều đang hoạt động tại thị trường Đông Nam Á và có hợp đồng khoan đến hết năm 2026.
- Trong tháng 12.2024, công ty thực hiện đầu tư mua lại giàn khoan từ Seadrill, công tác bàn giao được thực hiện và giàn đang được thực hiện công tác tái khởi động để có thể hoạt động như giàn mới từ quý IV.2025. Đây là giàn khoan Jackup 3 dầm trượt, có thể khoan ở độ sâu nước 400 feet. Theo thông tin tổng hợp, giá trị đầu tư giàn là 45 triệu usd, giá trị cải tạo có thể từ 20-25 triệu usd.
- Công ty cũng thực hiện bán thanh lý giàn khoan đất liền PVD 11 trong tháng 12.2024. Đã nhận đặt cọc 4,4 triệu usd và sẽ hoàn tất hợp đồng thanh lý trong Q1.2025

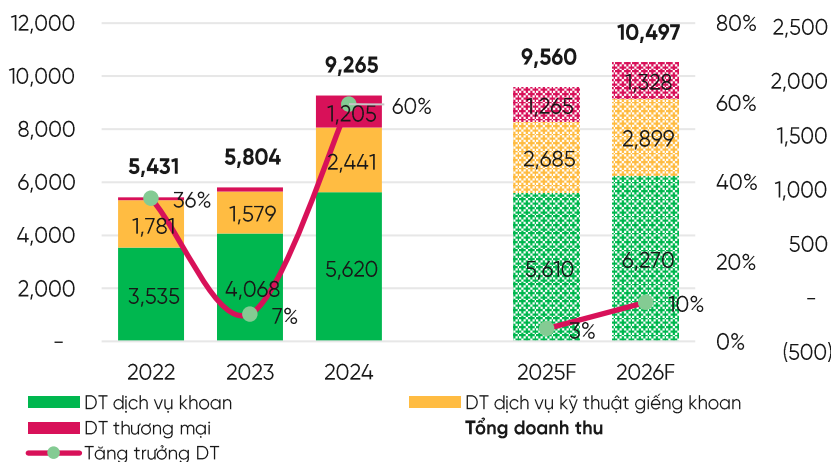
Kế hoạch hoạt động các giàn khoan của PVD

Giàn khoan	2025				2026			
	1Q	2Q	3Q	4Q	1Q	2Q	3Q	4Q
PVD I	Petronas (PCSB)-Malaysia kéo dài đến hết T2.2026							
PVD II	Pertamina _ Hợp đồng 2023-2025				Pertamina _ Đã ký gia hạn 3 năm chắc chắn đến hết 2028			
PVD III	Pertamina ONWJ - Đến hết 2027							
PVD VI	Petronas (PCSB)-Malaysia. Đến hết năm 2026							
PVD VIII (mới)	Giai đoạn cải tạo giàn				Đang tìm kiếm hợp đồng (trong nước/khu vực)			
PVD V-TAD	BSP (Brunei) hợp đồng 10 năm từ 2022							

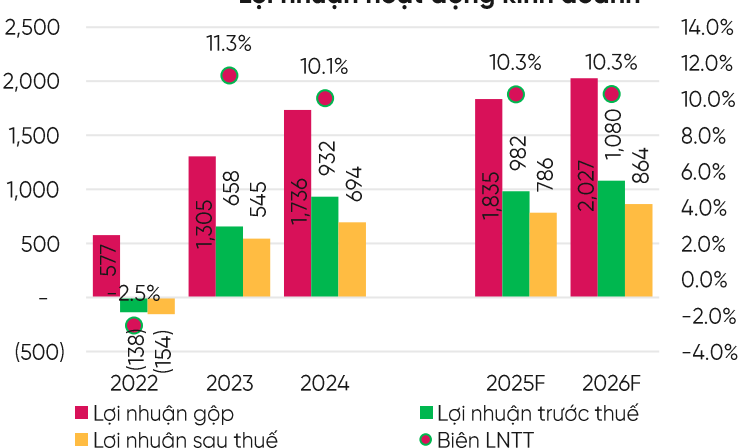
Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp

Chúng tôi dự báo doanh thu năm 2025 -2026 lần lượt tăng trưởng 3%-10%. Trong đó lĩnh vực dịch vụ khoan tăng trưởng chậm lại trong 2025, nhưng sẽ tăng mạnh 12% trong năm 2026 khi có thêm giàn khoan mới. Lĩnh vực dịch vụ giếng khoan tăng trưởng 8%-10% trong các năm tới đến 2030. Lợi nhuận trước thuế năm 2025-2026 tăng trưởng lần lượt 5,3% và 10,0%

Cơ cấu doanh thu



Lợi nhuận hoạt động kinh doanh



Nguồn: PVD, VPBankS Research tổng hợp và dự báo

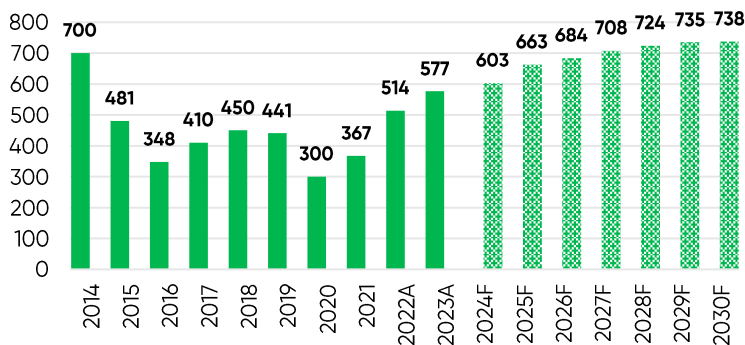
Triển vọng thị trường khoan dầu thế giới và khu vực

Giá cho thuê giàn khoan đã điều chỉnh giảm khi chạm đỉnh 10 năm, nhưng vẫn ở mức cao

- Giá cho thuê giàn khoan JU khu vực Đông Nam Á điều chỉnh giảm sâu về mức 75-80 nghìn usd/ngày trong những tháng cuối năm 2024, tuy vậy đây là mức giá với những giàn khoan có tuổi đời cao và công nghệ cũ. Giá giàn công nghệ hiện đại, 10-15 tuổi vẫn ở mức cao trên 100 nghìn usd/ngày với các hợp đồng dài hạn.
- Đầu tư lĩnh vực thượng nguồn dầu khí toàn cầu tiếp tục dự báo tăng lên. Báo cáo tại diễn đàn năng lượng quốc tế (IEF) dự báo đầu tư E&P đạt khoảng 603 tỷ USD trong năm 2024, tăng so với mức 490 tỷ USD của năm 2023.

Giá trị đầu tư E&P dầu khí toàn cầu

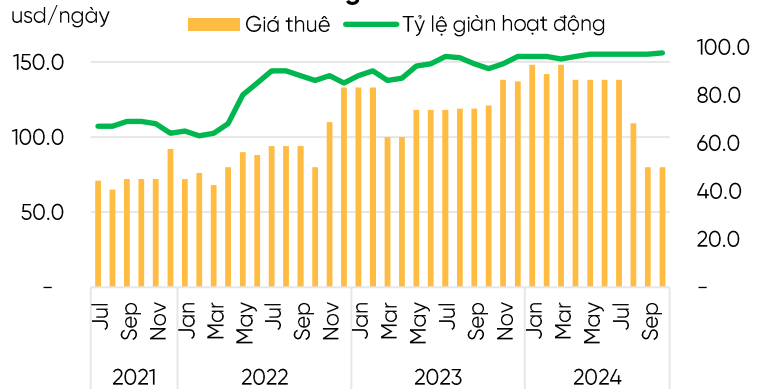
Tỷ usd



Giá cho thuê giàn khoan JU 361-400' khu vực Đông Nam Á

Nghìn usd/ngày

%

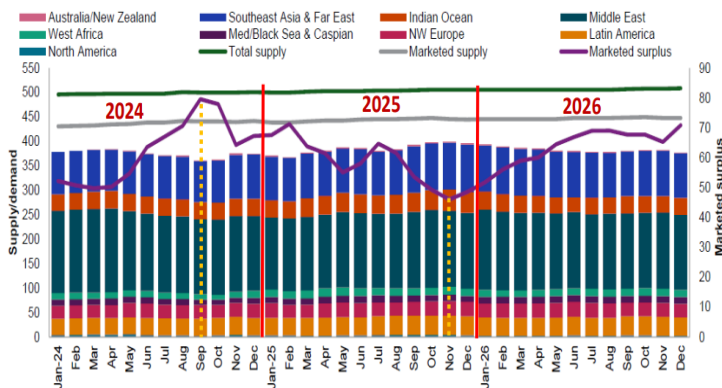


Nguồn: IEF, S&P Global, VPBankS Research tổng hợp

Nhu cầu giàn khoan trong năm 2025 vẫn tiếp tục tăng lên do các chiến dịch khoan dầu

- Nhu cầu giàn khoan Jackup toàn cầu tiếp tục ổn định trong khoảng 370-400 giàn. Tăng dần đạt 400 giàn vào cuối 2025 và giảm nhẹ về 380 trong năm 2026. Số lượng giàn khoan dư thừa là khoản 50-70 giàn, đa số là những giàn đã có tuổi cao (60 giàn trên 30 tuổi).
- Nhu cầu giàn khoan khu vực Đông Nam Á (SEA) tiếp tục tăng vào cuối năm 2024, giảm nhẹ trong nửa đầu năm 2025 nhưng sẽ tăng mạnh lên 40-42 giàn nửa cuối 2025. Số lượng giàn dư thừa hiện tại đạt 10 giàn, tiếp tục giảm và giảm sâu từ tháng 9/2025.

Dự báo nhu cầu giàn khoan JU toàn cầu 2024-2026

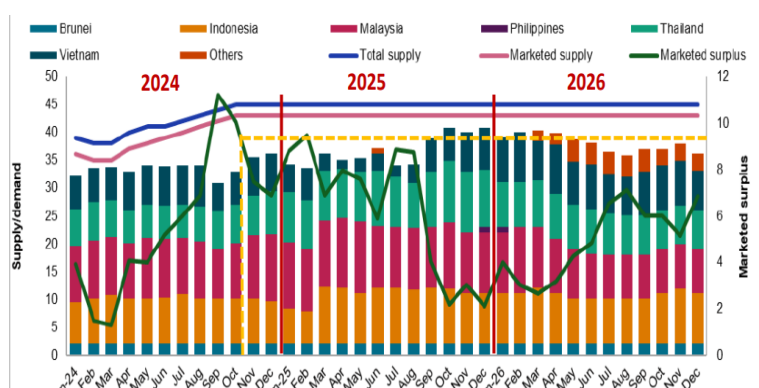


Data compiled Oct. 17, 2024.

Source: Upstream Content, a product of S&P Global Commodity Insights.

© 2024 S&P Global.

Dự báo nhu cầu giàn khoan JU khu vực Đông Nam Á 2024-2026



Data compiled Oct. 15, 2024.

Source: Upstream Content, a product of S&P Global Commodity Insights.

© 2024 S&P Global.

Nguồn: S&P Global, Bloomberg, VPBankS Research tổng hợp

Định giá và Khuyến nghị

Chúng tôi xây dựng kế hoạch kinh doanh của công ty trong gian đoạn 2025-2030 và Định giá cổ phiếu dựa trên các giả thiết:

- Công ty thực hiện đầu tư thêm giàn khoan JU và đưa vào sử dụng từ cuối năm 2025. Giá trị đầu tư khoảng 80 triệu usd, trong đó tỷ lệ vốn vay và vốn tự có là 60:40. Giá cho thuê có thể đạt 95-100 nghìn usd/ngày. Giàn khoan được khấu hao đường thẳng trong 10 năm.
- Chúng tôi dự báo doanh thu giai đoạn 2025-2030 tăng trưởng từ 3%-10%. Trong đó lĩnh vực dịch vụ khoan tăng trưởng chậm lại trong 2025, nhưng sẽ tăng mạnh 12% trong năm 2026 khi có thêm giàn khoan mới. Lĩnh vực dịch vụ giếng khoan tăng trưởng 6%-10% trong các năm tới đến 2030. Lợi nhuận trước thuế năm 2025-2026 tăng trưởng lần lượt 5,3% và 10,0%
- Công ty kiểm soát tốt tình hình hoạt động, các khoản phải thu, phải trả và dự phòng nợ khó đòi không tác động trọng yếu đến dòng tiền và hiệu quả hoạt động của công ty.
- Chi phí sử dụng vốn Chủ sở hữu được xác định ở mức 13,6%, dựa trên lãi suất trái phiếu chính phủ 10 năm phát hành quý 4.2024 ở mức 3%/năm, phần bù rủi ro thị trường cổ phiếu 8.35%. Beta cổ phiếu PVD trong 2 năm qua ở mức 1.21 lần. Chi phí sử dụng vốn Bình quân WACC được xác định ở mức 12,4%. Tăng trưởng sau năm 2030 ở mức 1%.

Sử dụng Phương pháp chiết khấu dòng tiền Vốn chủ sở hữu và doanh nghiệp (FCFE-FCFF) Giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 32.250 đồng/cổ phần, cao hơn 36,7% so với thị giá hiện tại. Chúng tôi đánh giá cơ hội đầu tư vào cổ phiếu PVD là khá hấp dẫn.

Định giá theo DCF_FCFE

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn Chủ sở hữu	%	13.6%
Tăng trưởng dòng tiền thuần sau năm 2030	%	1.0%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2025E - 2030E	tỷ đồng	6,517
Hiện giá dòng tiền sau năm 2030E	tỷ đồng	10,554
Tiền tương tiền cuối 2025	tỷ đồng	3,865
Giá trị doanh nghiệp	tỷ đồng	20,937
Nợ vay cuối năm 2025	tỷ đồng	4,181
Giá trị Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	16,756
Số lượng cổ phần	tr cp	556
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	30.120

Định giá theo DCF_FCFF

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân WACC	%	12.4%
Tăng trưởng dòng tiền thuần sau năm 2030	%	1.0%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2025E - 2030E	tỷ đồng	6,963
Hiện giá dòng tiền sau năm 2030E	tỷ đồng	12,484
Tiền tương tiền cuối 2025	tỷ đồng	3,865
Giá trị doanh nghiệp	tỷ đồng	23,312
Nợ vay cuối năm 2025	tỷ đồng	4,181
Giá trị Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	19,130
Số lượng cổ phần	tr cp	556
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	34.389

Giá trị trung bình mỗi cổ phần

Phương pháp định giá	Giá trị định giá
- FCFE	30.120
- FCFF	34.389
Giá trị trung bình mỗi cổ phần	32.250

Nguồn: VPBankS Research tổng hợp và dự báo

PHỤ LỤC TÀI CHÍNH

Kết quả kinh doanh	2023A	2024A	2025F	Lưu chuyển dòng tiền	2023A	2024A	2025F
Doanh thu	5,810	9,288	9,560	Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	1,573		
Giá vốn hàng bán	-4,510	-7,547	-7,725	Dòng tiền thuần hđ đầu tư	-868		
Lợi nhuận gộp	1,300	1,742	1,835	Dòng tiền thuần hđ tài chính	-590		
Doanh thu tài chính	134	152	135				
Chi phí tài chính	-392	-396	-417				
Chi phí bán hàng	-24	-35	-33				
Chi phí quản lý d.nghiệp	-520	-596	-669				
Lợi nhuận thuần hđkd	564	915	882				
Lợi nhuận trước thuế	655	933	982				
Lợi nhuận sau thuế	540	694	786				
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	579	696	775				
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	-39	-1	11				
Tài sản- Nguồn vốn	2023A	2024A	2025F	Hệ số tài chính	2023A	2024A	2025F
Tài sản ngắn hạn	6,954	7,878	9,865	Hệ số hiệu quả			
Tiền tương đương tiền	2,256	2,253	3,865	Biên lợi nhuận gộp	22.4%	18.8%	19.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,278	720	720	EBITDA Margin	37.5%	28.9%	29.9%
Khoản phải thu	2,340	3,568	3,667	Biên lợi nhuận ròng	10.0%	7.5%	8.1%
Hàng tồn kho	1,000	1,209	1,481	ROE	3.6%	4.3%	4.7%
Tài sản ngắn hạn khác	79	128	132	ROA	2.5%	2.9%	3.2%
Tài sản dài hạn	14,696	15,841	14,941	Hệ số tăng trưởng			
Tài sản cố định	13,115	12,861	13,216	Tăng trưởng doanh thu	7.0%	60.0%	2.9%
Tài sản dở dang dài hạn	7	1,217	50	Tăng trưởng LNTT	575.9%	41.8%	5.3%
Tài sản dài hạn khác	1,574	1,763	1,674	Tăng trưởng LNST	450.6%	27.4%	11.4%
Tổng tài sản	21,650	23,719	24,806	Tăng trưởng EPS	667.7%	19.2%	11.4%
Nợ phải trả	6,756	7,669	8,255	Hệ số thanh khoản			
Nợ phải trả ngắn hạn	3,176	4,231	4,073	Hệ số thanh toán hiện hành	2.19	1.86	2.42
Phải trả người bán ngắn hạn	2,098	3,097	2,751	Hệ số thanh toán nhanh	1.72	1.72	2.06
Vay và nợ ngắn hạn	553	507	557	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.31	0.32	0.33
Phải trả ngắn hạn khác	525	627	765	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.45	0.48	0.50
Nợ phải trả dài hạn	3,580	3,438	4,181	Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	2.67	3.35	3.35
Vay và nợ dài hạn	2,788	2,541	3,329				
Phải trả dài hạn khác	792	897	852				
Vốn chủ sở hữu	14,894	16,049	16,551	Hệ số định giá			
Vốn góp của chủ sở hữu	5,563	5,563	5,563	Lợi suất cổ tức	Na	na	1.5%
Quỹ đầu tư phát triển	8,403	9,217	9,217	EPS (VND)	1,041	1,251	1,393
Lợi nhuận ST chưa phân phối	691	1,021	1,517	BVPS (VND)	25,920	27,956	28,839
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	237	249	254				
Tổng nguồn vốn	21,650	23,719	24,806				

Nguồn: BCTC PVD, VPBankS Research tổng hợp

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo, Khối Nghiên Cứu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Khối Nghiên Cứu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích cùng các định giá nằm trong báo cáo phân tích (nếu có) nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích và các tài liệu đi kèm được lập bởi Khối Nghiên Cứu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: research@vpbanks.com